

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG**
Số: 120 /BC-DRAGONGROUP

V/v Đăng tải thông tin số lượng căn hộ mở bán Tòa nhà CT1A tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Nhà Ở số 27/2023/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 27/06/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc Chấp thuận Chủ trương Đầu tư đồng thời Chấp thuận nhà đầu tư Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Thông báo số 192/SXD-QLN ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc thông báo đủ điều kiện kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai đối với các căn hộ nhà ở xã hội và sàn TMDV thuộc Tòa nhà CT1A, Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên);

Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long là Chủ đầu tư Dự án khu nhà



ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên).

Thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, Công ty chúng tôi kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên tiếp nhận và đăng tải công khai thông tin số lượng căn hộ mở bán Tòa nhà CT1A tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên) trên Cổng thông tin điện tử của Quý cơ quan để người dân biết, đăng ký mua theo đúng quy định.

Báo cáo này thay thế cho Báo cáo số 93/BC-DRAGONGROUP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long về việc Đăng tải thông tin Tòa nhà CT1A tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

Nội dung thông tin đăng tải được đính kèm Báo cáo này.

Kính mong được Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên quan tâm giúp đỡ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như: Kính gửi;
- Lưu: VT./.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Anh





THÔNG BÁO

(Đăng tải thông tin số lượng căn hộ nhà ở xã hội mở bán của Tòa CT1A)

1. **Tên dự án:** Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
2. **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long.
3. **Địa điểm xây dựng:** Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên.
4. **Tiến độ thực hiện dự án:** Đã hoàn thành phần móng của tòa CT1A: Tháng 12/2025.
5. **Quy mô dự án:** Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng 04 tòa nhà ở xã hội dạng chung cư cao 09 tầng với số lượng là 666 căn nhà ở xã hội. Riêng tòa CT1A gồm 169 căn, trong đó:

- Tổng số căn hộ nhà ở xã hội mở bán: 162 căn hộ (theo Danh sách đính kèm);
- Tổng số căn thuộc sàn thương mại, dịch vụ: 07 căn hộ.

6. **Hồ sơ đăng ký:** Theo hướng dẫn tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Xây dựng.

7. **Địa điểm nộp đơn đăng ký:** Tầng 01, trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long, Km3+500 đường Hùng Vương, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên;

Điện thoại: 1800.599.961/1800.9066

8. **Thời gian nhận hồ sơ đăng ký:** Từ ngày 20/01/2026 đến ngày 24/02/2026 trong giờ hành chính (trừ các ngày lễ và Chủ nhật).

Trường hợp quá thời hạn mà chưa đủ số hồ sơ tương ứng với số căn hộ mở bán, Công ty sẽ mở bán đợt tiếp theo cho đến khi hết số căn hộ mở bán.

9. **Thông tin đăng tải trên:**

- Website của chủ đầu tư: <https://dragongroup.co/>;
- Website của Sở xây dựng Hưng Yên: <https://soxaydung.hungyen.gov.vn/>.

Kính mời Quý khách hàng có nhu cầu xin liên hệ để đăng ký và được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ mua căn hộ tại Dự án.

Trân trọng!

**DANH SÁCH CÁC CĂN HỘ NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC TÒA NHÀ CT1A DỰ ÁN NOXH KHU A VÀ KHU B,
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ XÃ VŨ PHÚC - DRAGONHOMES ECO APARTMENT PREMIUM**

Kèm theo Báo cáo số 120 /BC-DRAGONGROUP ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc Đăng tải thông tin Tòa nhà CT1A tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tim tường (m ²)
	Tổng cộng			162			9.316,57	10.444,14
I.	TÒA NHÀ CT1A						9.316,57	10.444,14
1	CT1A-201	CH-D1	NOXH	1	CT1A	2	67,03	75,75
2	CT1A-202	CH-C1	NOXH	1	CT1A	2	61,78	67,42
3	CT1A-203	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	2	61,77	67,42
4	CT1A-204	CH-B1	NOXH	1	CT1A	2	46,26	51,80
5	CT1A-205	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	2	46,28	51,19
6	CT1A-206	CH-C2	NOXH	1	CT1A	2	58,25	63,72
7	CT1A-213	CH-D1	NOXH	1	CT1A	2	67,03	75,75
8	CT1A-214	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	2	46,16	52,00
9	CT1A-215	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	2	61,73	67,95
10	CT1A-216	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	2	62,01	68,12
11	CT1A-217	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	2	46,47	51,37
12	CT1A-218	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	2	46,22	51,80
13	CT1A-219	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	2	61,78	67,42
14	CT1A-220	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	2	46,14	50,79
15	CT1A-221	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	2	67,03	74,94
16	CT1A-301	CH-D1	NOXH	1	CT1A	3	67,03	75,75
17	CT1A-302	CH-C1	NOXH	1	CT1A	3	61,78	67,42
18	CT1A-303	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	3	61,77	67,42
19	CT1A-304	CH-B1	NOXH	1	CT1A	3	46,26	51,80
20	CT1A-305	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	3	46,28	51,19
21	CT1A-306	CH-C2	NOXH	1	CT1A	3	58,25	63,72
22	CT1A-307	CH-D2	NOXH	1	CT1A	3	69,35	77,78
23	CT1A-308	CH-B2	NOXH	1	CT1A	3	42,48	63,72
24	CT1A-309	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	3	61,78	68,12
25	CT1A-310	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	3	61,73	67,95
26	CT1A-311	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	3	61,78	68,15
27	CT1A-312	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	3	67,03	74,94
28	CT1A-313	CH-D1	NOXH	1	CT1A	3	67,03	75,75
29	CT1A-314	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	3	46,16	52,00
30	CT1A-315	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	3	61,73	67,95
31	CT1A-316	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	3	62,01	68,12
32	CT1A-317	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	3	46,47	51,37
33	CT1A-318	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	3	46,22	51,80
34	CT1A-319	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	3	61,78	67,42
35	CT1A-320	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	3	46,14	50,79
36	CT1A-321	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	3	67,03	74,94
37	CT1A-3A01	CH-D1	NOXH	1	CT1A	4	67,03	75,75
38	CT1A-3A02	CH-C1	NOXH	1	CT1A	4	61,78	67,42
39	CT1A-3A03	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	4	61,77	67,42
40	CT1A-3A04	CH-B1	NOXH	1	CT1A	4	46,26	51,80
41	CT1A-3A05	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	4	46,28	51,19
42	CT1A-3A06	CH-C2	NOXH	1	CT1A	4	58,25	63,72

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tường (m ²)
43	CT1A-3A07	CH-D2	NOXH	1	CT1A	4	69,35	77,78
44	CT1A-3A08	CH-B2	NOXH	1	CT1A	4	42,48	63,72
45	CT1A-3A09	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	4	61,78	68,12
46	CT1A-3A10	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	4	61,73	67,95
47	CT1A-3A11	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	4	61,78	68,15
48	CT1A-3A12	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	4	67,03	74,94
49	CT1A-3A13	CH-D1	NOXH	1	CT1A	4	67,03	75,75
50	CT1A-3A14	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	4	46,16	52,00
51	CT1A-3A15	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	4	61,73	67,95
52	CT1A-3A16	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	4	62,01	68,12
53	CT1A-3A17	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	4	46,47	51,37
54	CT1A-3A18	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	4	46,22	51,80
55	CT1A-3A19	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	4	61,78	67,42
56	CT1A-3A20	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	4	46,14	50,79
57	CT1A-3A21	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	4	67,03	74,94
58	CT1A-501	CH-D1	NOXH	1	CT1A	5	67,03	75,75
59	CT1A-502	CH-C1	NOXH	1	CT1A	5	61,78	67,42
60	CT1A-505	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	5	61,77	67,42
61	CT1A-504	CH-B1	NOXH	1	CT1A	5	46,26	51,80
62	CT1A-505	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	5	46,28	51,19
63	CT1A-506	CH-C2	NOXH	1	CT1A	5	58,25	63,72
64	CT1A-507	CH-D2	NOXH	1	CT1A	5	69,35	77,78
65	CT1A-508	CH-B2	NOXH	1	CT1A	5	42,48	63,72
66	CT1A-509	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	5	61,78	68,12
67	CT1A-510	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	5	61,73	67,95
68	CT1A-511	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	5	61,78	68,15
69	CT1A-512	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	5	67,03	74,94
70	CT1A-515	CH-D1	NOXH	1	CT1A	5	67,03	75,75
71	CT1A-514	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	5	46,16	52,00
72	CT1A-515	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	5	61,73	67,95
73	CT1A-516	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	5	62,01	68,12
74	CT1A-517	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	5	46,47	51,37
75	CT1A-518	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	5	46,22	51,80
76	CT1A-519	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	5	61,78	67,42
77	CT1A-520	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	5	46,14	50,79
78	CT1A-521	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	5	67,03	74,94
79	CT1A-601	CH-D1	NOXH	1	CT1A	6	67,03	75,75
80	CT1A-602	CH-C1	NOXH	1	CT1A	6	61,78	67,42
81	CT1A-606	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	6	61,77	67,42
82	CT1A-604	CH-B1	NOXH	1	CT1A	6	46,26	51,80
83	CT1A-606	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	6	46,28	51,19
84	CT1A-606	CH-C2	NOXH	1	CT1A	6	58,25	63,72
85	CT1A-607	CH-D2	NOXH	1	CT1A	6	69,35	77,78
86	CT1A-608	CH-B2	NOXH	1	CT1A	6	42,48	63,72
87	CT1A-609	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	6	61,78	68,12
88	CT1A-610	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	6	61,73	67,95
89	CT1A-611	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	6	61,78	68,15
90	CT1A-612	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	6	67,03	74,94
91	CT1A-616	CH-D1	NOXH	1	CT1A	6	67,03	75,75
92	CT1A-614	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	6	46,16	52,00
93	CT1A-616	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	6	61,73	67,95
94	CT1A-616	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	6	62,01	68,12

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tường (m ²)
95	CT1A-617	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	6	46,47	51,37
96	CT1A-618	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	6	46,22	51,80
97	CT1A-619	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	6	61,78	67,42
98	CT1A-620	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	6	46,14	50,79
99	CT1A-621	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	6	67,03	74,94
100	CT1A-701	CH-D1	NOXH	1	CT1A	7	67,03	75,75
101	CT1A-702	CH-C1	NOXH	1	CT1A	7	61,78	67,42
102	CT1A-707	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	7	61,77	67,42
103	CT1A-704	CH-B1	NOXH	1	CT1A	7	46,26	51,80
104	CT1A-707	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	7	46,28	51,19
105	CT1A-707	CH-C2	NOXH	1	CT1A	7	58,25	63,72
106	CT1A-707	CH-D2	NOXH	1	CT1A	7	69,35	77,78
107	CT1A-708	CH-B2	NOXH	1	CT1A	7	42,48	63,72
108	CT1A-709	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	7	61,78	68,12
109	CT1A-710	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	7	61,73	67,95
110	CT1A-711	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	7	61,78	68,15
111	CT1A-712	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	7	67,03	74,94
112	CT1A-717	CH-D1	NOXH	1	CT1A	7	67,03	75,75
113	CT1A-714	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	7	46,16	52,00
114	CT1A-717	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	7	61,73	67,95
115	CT1A-717	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	7	62,01	68,12
116	CT1A-717	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	7	46,47	51,37
117	CT1A-718	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	7	46,22	51,80
118	CT1A-719	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	7	61,78	67,42
119	CT1A-720	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	7	46,14	50,79
120	CT1A-721	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	7	67,03	74,94
121	CT1A-801	CH-D1	NOXH	1	CT1A	8	67,03	75,75
122	CT1A-802	CH-C1	NOXH	1	CT1A	8	61,78	67,42
123	CT1A-808	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	8	61,77	67,42
124	CT1A-804	CH-B1	NOXH	1	CT1A	8	46,26	51,80
125	CT1A-808	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	8	46,28	51,19
126	CT1A-808	CH-C2	NOXH	1	CT1A	8	58,25	63,72
127	CT1A-808	CH-D2	NOXH	1	CT1A	8	69,35	77,78
128	CT1A-808	CH-B2	NOXH	1	CT1A	8	42,48	63,72
129	CT1A-809	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	8	61,78	68,12
130	CT1A-810	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	8	61,73	67,95
131	CT1A-811	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	8	61,78	68,15
132	CT1A-812	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	8	67,03	74,94
133	CT1A-818	CH-D1	NOXH	1	CT1A	8	67,03	75,75
134	CT1A-814	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	8	46,16	52,00
135	CT1A-818	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	8	61,73	67,95
136	CT1A-818	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	8	62,01	68,12
137	CT1A-818	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	8	46,47	51,37
138	CT1A-818	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	8	46,22	51,80
139	CT1A-819	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	8	61,78	67,42
140	CT1A-820	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	8	46,14	50,79
141	CT1A-821	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	8	67,03	74,94
142	CT1A-901	CH-D1	NOXH	1	CT1A	9	67,03	75,75
143	CT1A-902	CH-C1	NOXH	1	CT1A	9	61,78	67,42
144	CT1A-909	CH-C1A	NOXH	1	CT1A	9	61,77	67,42
145	CT1A-904	CH-B1	NOXH	1	CT1A	9	46,26	51,80
146	CT1A-909	CH-B1C	NOXH	1	CT1A	9	46,28	51,19

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích thông thủy (m ²)	Diện tích tường (m ²)
147	CT1A-909	CH-C2	NOXH	1	CT1A	9	58,25	63,72
148	CT1A-909	CH-D2	NOXH	1	CT1A	9	69,35	77,78
149	CT1A-909	CH-B2	NOXH	1	CT1A	9	42,48	63,72
150	CT1A-909	CH-C1F	NOXH	1	CT1A	9	61,78	68,12
151	CT1A-910	CH-C1E	NOXH	1	CT1A	9	61,73	67,95
152	CT1A-911	CH-C1G	NOXH	1	CT1A	9	61,78	68,15
153	CT1A-912	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	9	67,03	74,94
154	CT1A-919	CH-D1	NOXH	1	CT1A	9	67,03	75,75
155	CT1A-914	CH-B1B	NOXH	1	CT1A	9	46,16	52,00
156	CT1A-919	CH-C1D	NOXH	1	CT1A	9	61,73	67,95
157	CT1A-919	CH-C1C	NOXH	1	CT1A	9	62,01	68,12
158	CT1A-919	CH-B1E	NOXH	1	CT1A	9	46,47	51,37
159	CT1A-919	CH-B1D	NOXH	1	CT1A	9	46,22	51,80
160	CT1A-919	CH-C1B	NOXH	1	CT1A	9	61,78	67,42
161	CT1A-920	CH-B1A	NOXH	1	CT1A	9	46,14	50,79
162	CT1A-921	CH-D1A	NOXH	1	CT1A	9	67,03	74,94

